

Đình Vạn Xuân

--- Tân Phong ---

Đình Vạn Xuân(1) là ngôi đình cổ còn khá nguyên vẹn, hiện nay thuộc làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây. Theo hồ sơ di tích của Ban quản lý di tích và danh thắng Hà Nội(2) thì “Giá trị của di tích (tức đình Vạn Xuân) về mặt kiến trúc nằm ở vẻ đẹp, sự độc đáo hiếm thấy trong các ngôi đình cổ hiện còn”. “Đình Vạn Xuân là một di tích tôn giáo tín ngưỡng có lịch sử xây dựng từ khá sớm. Ngôi đình hiện còn mang trên mình một bề dày lịch sử hàng nghìn năm. Đình là nơi thờ, nơi tưởng niệm Lý Bát Lang, một nhân vật nổi tiếng thời tiền Lý (thế kỷ thứ 6)”, “Ngôi đình có quy mô kiến trúc bề thế và mặt bằng độc đáo. Trong đình còn nhiều mảng chạm khắc trang trí và các di vật quý mang giá trị lịch sử nghệ thuật cao”(3).

Đình Vạn Xuân còn lưu giữ được một tấm bia 2 mặt, được giấu kín ở ruột tường bên cánh phải ngôi đình (khai quật năm 1987 của Viện Hán Nôm). Mặt bia “Tu tạo mãi trù văn khế chi bi” khắc năm Vĩnh Trị thứ 4 đời vua Lê Hy Tông (1679); mặt bia “Kiến mưu phúc viễn thạch bi chi đồ” khắc năm Vĩnh Trị thứ 5 (1680). Theo “Tu tạo mãi trù văn khế chi bi” thì đình Vạn Xuân là một thắng cảnh lớn trong vùng:

*“Diên đình linh tích, lâm Hạ danh hương.
Đương niên tại kỷ, long nguyệt thượng lương.
Đổng vũ quy chế, nguy nghiệp tương vương...”*

Nghĩa là:

*"Ngôi đình thiêng liêng, Hạ Mỗ nổi tiếng.
Vào năm Kỷ Mùi, tháng 3 lên nóc.
Rường cột quy mô, cao vút nguy nga..."*

Từ mái đình này, người Hạ Mỗ đã truyền cho nhau về niềm tự hào, tự tin và hoài bão lớn. “Kiến mưu phúc viễn thạch bi chi đồ” có đoạn ghi:

*“Hoàng thượng thọ vạn vạn tuế,
Thánh chủ thọ vạn vạn niên,
Phó vương phủ thọ vạn vạn tải”*

Ký tại thần văn võ bách quan hiệp đồng công đức, hưng khởi trị công đương thử chi thời: Quân quân, thần thần, bách tính âu ca, vị chi thái bình thiên hạ. Tuế tửu hưng phù ế chi thi; kích nhượng bá khang cù chi vĩnh. Tư đình dã, thanh minh văn vật chi khả quan, lễ nhạc khả quan chi sở tụy. Văn phát vi khoa mục chi văn, vũ phát xuất công hầu chi vũ, gia môn phú thọ khang ninh, hương đẳng mục hòa phồn hậu..”

Nghĩa là:

*"Hoàng thượng sống lâu muôn tuổi,
Thánh chúa còn mãi ngàn năm,
Phó vương phủ thọ đến ngàn đời.*

Các vị đại thần văn võ bách quan đồng lòng, hiệp sức, hưng khởi trị vì trong thời này. Lúc này, vua sáng tỏ hiển. Đúng là “Thiên hạ thái bình”. Rượu say hứng ngâm thơ phù ế, gõ chầu ca khúc hát khang cù. Mái đình này, rõ ràng khả quan văn vật, tốt đẹp lễ nhạc y quan. Ngành văn nổi các khoa mục khác, ngành võ xuất những công hầu, nhà nhà phú thọ khang ninh, làng xóm mục hòa phồn hậu..”(4).

Thành hoàng làng Hạ Mỗ được thờ tại miếu Hàm Rồng và đình Vạn Xuân là Hy Minh Dũng Nghị đại vương, tức Lý Bát Lang, vị hoàng tử thứ 6 của Hậu Nam đế Lý Phật Tử.

Cuốn thần phả do Hàn Lâm Viện Đông các học sĩ Nguyễn Bính soạn năm Hồng Phúc thứ nhất, đời vua Lê Anh Tông (Nhâm Thân 1572) cho ta biết: ngay sau khi hoàng tử Lý Bát Lang mất(5), vua Lý Phật Tử đã lệnh cho nhân dân Hạ Mỗ (bấy giờ là hương Ô Diên) lập miếu thờ trên phủ đệ cũ của hoàng tử, trong khu vực thành Ô Diên, người đời sau gọi là Quán Bét (đọc chệch tiếng bát tức Lý Bát Lang) hay miếu Hàm Rồng (chỗ 3 dòng sông: sông Hồng, sông Hát (hay sông Đáy) và sông Nhuệ (xưa gọi là sông Tống Bình hay sông Từ Liêm) gặp nhau ở đầu nguồn Nhuệ Giang)(6). Đình Vạn Xuân ra đời sau miếu Hàm Rồng và cũng là nơi thờ thành hoàng, nơi tổ chức sinh hoạt và hội hè truyền thống của làng(7).

Do cuốn thần phả được viết sau sự kiện lịch sử gần 1.000 năm nên thời điểm ra đời của miếu Hàm Rồng và đình Vạn Xuân chưa biết được đích xác. Qua những niên hiệu ghi trên các sắc phong như: Hoàng Định tứ niên, thập niên (1604, 1610), Đức Long, Dương Hòa, Phúc Thái.... cũng như niên đại ghi ở câu đầu trái tòa tiền tế “Thái tuế Ất Mùi niên, lục nguyệt sơ bát nhật thìn thời thụ trụ thượng lương đại cát” (Ngày mùng 8 tháng 6 năm Ất Mùi) tức thời điểm làm đình phải có trước lần tu tạo ghi trong “Tu tạo mãi trụ văn khế chi bi” (Kỷ Mão 1679). Niên đại này chưa rõ ở năm Ất Mùi nào như các năm 1655, 1599, 1539... nhưng chắc chắn, đình Vạn Xuân phải có mặt ít nhất là từ cuối thế kỷ 16 trở về trước.

Tháng Hai năm Canh Thìn (3/1940), sau lần dân làng Hạ Mỗ phải góp tàn quạt... cho huyện đón quan phủ và tổng đốc Hà Đông, lúc đem về, cụ từ soi đóm kiểm tra hòm đựng đồ tế tự bằng vải vóc, vì sơ ý gây ra hỏa hoạn thiêu rụi ngôi đình, chỉ còn 2 vì đốc nhà tiền tế.

Cuối năm Nhâm Ngọ (1942), dân làng chung sức dựng lại đình Vạn Xuân y như mẫu cũ, do hai hiệp thợ Bắc - Nam thi công, mỗi hiệp làm một nửa sau khớp lại. Cách tổ chức thi công này vừa thúc đẩy tiến độ công trình, đồng thời đặt ra cho các hiệp thợ một tinh thần trách nhiệm rất cao, đảm bảo đúng yêu cầu về kỹ, mỹ thuật của ngôi đình. Việc dựng lại đình chỉ tiến hành trong một thời gian ngắn, thêm vào đó là khả năng kinh phí hạn hẹp nên phần chạm trổ, điêu khắc theo mẫu cũ không được phục chế hoàn toàn mà chỉ phác họa một vài đường nét giản đơn. Du khách hôm nay tới thăm, ngoài việc cảm nhận về sự đồ sộ, quy mô hoành tráng của ngôi đình cổ, còn phân biệt ngay được sự khác biệt về trình độ chạm khắc tinh tế, điêu luyện của nghệ nhân một thời xưa.

Toàn bộ đồ tế tự đều được sửa sang, bổ sung đầy đủ như bài trí khi trước. Bức đại tự “Mỹ tục khả phong” cũng được phục chế và đặt trang trọng ở gian đầu tòa đại đình.

Khẳng định về giá trị lịch sử - văn hóa - khoa học nghệ thuật của đình Vạn Xuân được ghi trong hồ sơ di tích đã nêu rõ: Về kiến trúc, đình Vạn Xuân có quy mô lớn, nổi cao trên những kiến trúc dân dụng của làng. Đặc điểm này, ngoài việc khẳng định vị trí quyền uy của vị thần bảo hộ đối với dân làng còn cho thấy sự hưng thịnh của Hạ Mỗ trong nhiều thế kỷ trước. Tuy bề thế khang trang song các nếp nhà vẫn giữ nguyên vẻ cổ kính của kiến trúc truyền thống. Cảm giác bay bổng của ngôi đình do các đao cong mang lại là vẻ đẹp đặc trưng của kiến trúc cổ Việt Nam.

Điểm độc đáo thứ hai của đình Vạn Xuân nằm trong quy hoạch khác biệt đối với các ngôi đình làng hiện còn ở nước ta hiện nay. Nếu các đình làng khác có quy hoạch theo kiểu “chữ nhất”, “chữ nhị”,

“chữ công”, “chữ môn”..., nếu đình Đình Bảng (Bắc Ninh) hợp thành bởi 4 mái nhà, thì đình Vạn Xuân lại quy hoạch theo cấu trúc “nội công ngoại quốc”, bao gồm mười nóc nhà liên kết tạo thành (không kể hai nhà tả mạc và hữu mạc phía trước). Hệ thống cửa bức bàn kéo dài suốt mặt trước cùng tiền sảnh nhà đại đình vươn cao phẳng phất bóng dáng của một hành cung, dinh thự lớn dưới thời phong kiến trước đây.

Ngoài việc tạo không gian, ánh sáng thuận lợi cho chức năng sử dụng, nếp nhà dọc chính giữa đình có tác dụng tôn thêm vẻ đẹp bề thế cho kiến trúc và sự trang nghiêm trong quá trình hành lễ của tín ngưỡng thờ thần hoàng làng. Nhìn từ xa, tòa đại đình là nếp nhà hai tầng, hai lớp rõ rệt. Trên phương diện này, đình Vạn Xuân là tư liệu quý trong việc khẳng định sự phong phú, đa dạng trong kiến trúc đình làng Việt Nam.

Giá trị kiến trúc của đình Vạn Xuân còn được thể hiện qua kết cấu bên trong của bộ khung nhà. Tuy có quy mô kiến trúc lớn song các bộ vì không còn sự nặng nề thường thấy trên các thức vì chồng giường. Các mảng chạm hợp lý, sinh động đã đem lại thẩm mỹ cao, cuốn hút lòng say mê, ngưỡng vọng của con người đối với những giá trị tinh thần và di sản vật chất của tổ tiên truyền lại. Giá trị của đình Vạn Xuân về mặt kiến trúc nằm ở vẻ đẹp, sự độc đáo hiếm thấy trong các ngôi đình cổ hiện còn. Bao quanh hai bề phải trái tiếp nối tòa đại bái và tiền tế là hệ thống sân gỗ lim có diện tích trên 200 m², đủ chỗ ngồi dự tiệc và họp hành của dân làng thuộc 4 giáp Đông, Tây, Nam, Bắc (hay còn gọi giáp Nhất, Nhị, Ba, Tư) khi xưa.

Đình Vạn Xuân nằm ở trung tâm làng, là tâm đối xứng của hai ngôi đền Hàng Văn (Văn Hiến Đường) và Hàng Võ (Tri Chỉ Đường) ở hai đầu bắc - nam của làng. Đình Vạn Xuân được xây cất trên khu đất rộng, thế quy vờn ngọc. Phía sau hậu cung là một gò nhỏ áp tường nằm nhô ra hồ bán nguyệt (nay đã san lấp làm đường đi). Phía trước là sân rộng, tả hữu mạc ở hai bên, bao quanh sân có 4 cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Hệ thống cột đồng trụ cùng hai nhà cổ diềm tám mái tả nghi, hữu nghi tạo nên một không gian vừa khoáng đạt, vừa mạnh mẽ uy nghi. Nối tiếp cổng, sân là bãi cỏ rộng và một ao lớn có gò tròn trồng cây ở giữa ao. Tất cả quang cảnh trước đình Vạn Xuân như một công viên thu nhỏ rất thuận tiện cho việc tổ chức sinh hoạt vui chơi giải trí, hội hè lễ nghi truyền thống.

Qua bài về miêu tả về đình Vạn Xuân, người Hạ Mỗ đã khắc họa một cách sinh động ngôi đình của mình như sau:

Đình làng làm đủ trăm gian

To nhón loại nhất nước Nam nào tày.
Đất quy vờn ngọc đẹp thay
Trước cửa ao cá, giữa ngay cái gò.
Quanh sân sáu cửa tò vò,
Hai cột đồng trụ xây to tây vùng.
Sân rồng chắt kiệu đã từng
Đôi tả hữu mạc song hành mười gian.
Mái cong thoáng lá đại lan,
Sân ngoài cỏ mượt, tán bàng sum sê.
Đại đình cao vút uy nghi
Dọc ngang mười nóc một ly chẳng dòi.
Đốc tiền cung điện sáng ngời
Lưỡng long châu nguyệt y nơi cung đình.
Cánh chuồn đốc hậu rành rành
“Nội vương ngoại quốc” quy trình chẳng sai.
Ban thờ lớp lớp trong ngoài
Bộ hạ võ lược, văn tài hai bên.
Hậu cung cửa cấm bước lên
Ngược trông hoành tráng ở trên đỉnh đầu:
Long, ly, quy, phượng cùng châu,
Hoành phi câu đối rực màu vàng son.
Đồ chấp sự rặt bằng đồng,
Xà mâu, bát bửu, kiệu chồng mấy gian.
Bao nhiêu cờ, lọng, quạt, tàn,
Bấy nhiêu công sức dân làng từ xưa.
Ngàn năm cho đến bây giờ,
Đình Vạn Xuân vẫn y như buổi đầu.

Với giá trị lịch sử và nghệ thuật, đình Vạn Xuân đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia từ năm 1991.

Trong việc duy trì và phát huy truyền thống tốt đẹp của làng cùng với miếu Hàm Rồng (khu thành cổ Ô Diên), đình Vạn Xuân có vị trí quan trọng vì đó là nơi hội tụ và truyền tải những giá trị tinh thần và truyền thống lao động sáng tạo của tổ tiên cho các thế hệ mai sau. Đây là nơi tưởng niệm về một

nhân vật quan trọng của nhà hậu Lý Nam Đế, đó là những tư liệu quý trong việc khẳng định vị trí quan trọng của khu vực này đối với lịch sử dân tộc ở thế kỷ thứ 6. Một loạt câu đối ở đình Vạn Xuân đã nói lên điều đó:

*Nam Đế Lý triều Quốc hiệu Vạn Xuân, diên đình lưu thánh tích;
Ô Diên cảnh thắng Đô thành nhất thế, quán tự hiển thần linh.*

(Triều Lý Nam Đế, tên nước là Vạn Xuân, ngôi đình lớn ghi lại tích của đức thánh; Thắng cảnh đất Ô Diên một thời là kinh đô, tất cả sự thờ tự rạng rỡ về sự linh thiêng của thần linh).

*Phủ phủ hựu nguyên huân ngọc đá thiên thu trưng thánh thụ;
Hoàng đô nhi thái ấp Ô Diên hạp cảnh tụng thần hư.*

(Phủ đệ phồn vinh lại có công lớn như đai ngọc quý, đời hưởng nhiều phúc thành; Đô thành đông đúc là thái ấp đất Ô Diên, cả một cảnh lớn mãi cùng hưởng lộc thần)...

Nhận rõ được trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc, nhân dân Hạ Mỗ ý thức được việc giữ gìn ngôi đình Vạn Xuân của làng là góp phần bảo tồn một tài sản vô giá của đất nước. Những năm qua, nhân dân Hạ Mỗ đã thường xuyên duy tu sửa chữa giữ nguyên vẻ dáng ngôi đình có một không hai này. Tuy vậy, những vật liệu của công trình, nhất là những vật liệu đã tồn tại trên 3 thế kỷ nay đã hư hỏng nặng cần được thay thế và gia cố rất nhiều. Người Hạ Mỗ hôm nay vẫn luôn tự hào và ra sức giữ gìn để làm trọn nghĩa vụ công dân đối với đất nước như lời tâm sự của ngôi đình Vạn Xuân cổ kính:

*Nước Việt tên ta đã một lần,
Qua rồi, nay sống động lòng dân
“Nội vương ngoại quốc” còn nguyên đó
Vạn Xuân đình - nước mãi Vạn Xuân!*

(1) Vạn Xuân: Quốc hiệu nước ta thời chính quyền nhà Tiền Lý (542 - 602) từ Lý Nam Đế (Lý Bí hay Lý Bôn), đến Việt Vương Triệu Quang Phục và Hậu Nam Đế Lý Phật Tử. Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử đều đã từng đóng giữ thành Ô Diên (Hạ Mỗ ngày nay), một trong ba tòa thành (Long Biên, Ô

Diên, Cổ Loa) hình thành 3 cụm phòng ngự ở đồng bằng châu thổ sông Hồng trong kháng chiến chống xâm lược Tùy.

(2) Từ 1991 trở về trước, Hạ Mỗ thuộc thành phố Hà Nội.

(3) Phần còn lại sau vụ cháy năm 1940, nghệ thuật điêu khắc hầu hết được chạm trổ các hình tượng như “rồng quần thủy”, “phượng cấp, quy đội kinh thư”, “ngư vượt vũ môn”, “rồng hóa”, “lưỡng long châu nguyệt”, “hoa lá, chim muông”... chứ không có hình tượng con người cũng như cảnh sinh hoạt đời thường như ở một số ngôi đình cổ khác.

(4) Bản dịch của Viện Hán Nôm.

(5) Theo chính sử chép thì thành Ô Diên do biệt tướng Lý Phổ Đĩnh chỉ huy giữ thành. Không rõ hai nhân vật Lý Bát Lang và Lý Phổ Đĩnh có phải là một người hay không?

(6) Miếu Hàm Rồng tương truyền có từ thế kỷ 6. Sau 7 lần tu tạo, nay vẫn còn và là chính cung khi Lý Bát Lang sống, nơi thờ chính khi ông qua đời.

(7) Năm 1946, đoàn đại biểu Quốc hội khóa I do ông Xuân Thủy, Đỗ Đức Dục... (đại biểu tỉnh Hà Đông) đã về đây tiếp xúc cử tri. Cuối năm 1955, Hội nghị giảm tô toàn quốc đã họp tại đây, có tới 5.000 người dự.